TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2020/TT-TANDTC	*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm 2020*

THÔNG TƯ
Quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ hòa giải viên

Căn cứ Luật Tổ chức Tòa án nhân dân ngày 24 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 16 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao;

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Thông tư quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên tại Tòa án theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (sau đây gọi là Hòa giải viên).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người được đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên.

2. Hòa giải viên được xem xét miễn nhiệm, khen thưởng hoặc bị xử lý vi phạm theo quy định.

3. Cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức và người có thẩm quyền thực hiện việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng hoặc xử lý vi phạm Hòa giải viên; cấp, đổi và thu hồi thẻ Hòa giải viên.

Điều 3. Định biên số lượng Hòa giải viên

1. Số lượng Hòa giải viên được xác định trên cơ sở số lượng vụ, việc dân sự, hành chính được thụ lý của từng Tòa án và các tiêu chí sau:

a) Tòa án có số lượng thụ lý dưới 300 vụ, việc/năm có tối đa 05 Hòa giải viên.

b) Tòa án có số lượng thụ lý từ 300 đến dưới 1.000 vụ, việc/năm có tối đa 15 Hòa giải viên.

c) Đối với các Tòa án có số lượng thụ lý từ 1.000 vụ, việc/năm trở lên thì cứ tăng thêm 100 vụ, việc/năm bổ sung thêm 01 Hòa giải viên.

2. Thủ tục đề xuất số lượng Hòa giải viên

a) Sau tổng kết công tác năm, căn cứ vào số lượng vụ, việc thụ lý, Chánh án Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện) có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh) giao số lượng Hòa giải viên.

b) Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu, đề xuất số lượng Hòa giải viên của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý về Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ).

c) Sau khi Tòa án nhân dân tối cao phê duyệt, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định giao số lượng Hòa giải viên đối với từng Tòa án thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

Điều 4. Hội đồng tư vấn lựa chọn Hòa giải viên

1. Hội đồng tư vấn lựa chọn Hòa giải viên (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn) có tối thiểu 03 người; danh sách thành viên Hội đồng tư vấn do Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định, gồm:

a) Đại diện lãnh đạo Tòa án nhân dân cấp tỉnh là Chủ tịch Hội đồng.

b) Các Ủy viên: Trưởng đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh; 01 thành viên Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Chánh án

Tòa án nhân dân cấp huyện (nơi có người được đề nghị tuyển chọn, bổ nhiệm làm Hòa giải viên); đại diện lãnh đạo cơ quan, tổ chức có liên quan đến người được đề nghị bổ nhiệm làm Hòa giải viên (nếu có).

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tư vấn

a) Lựa chọn người đủ điều kiện làm Hòa giải viên theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và hướng dẫn tại Thông tư này, để tư vấn cho Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên.

b) Xem xét việc miễn nhiệm, xử lý vi phạm Hòa giải viên theo quy định của pháp luật, để tư vấn cho Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định miễn nhiệm, xử lý vi phạm đối với Hòa giải viên.

c) Hội đồng tư vấn tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 5. Ban hành các văn bản, biểu mẫu

Ban hành kèm theo Thông tư này các văn bản, biểu mẫu sau đây:

1. Tờ trình đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên (Mẫu số 01);

2. Tờ trình đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên (Mẫu số 02);

3. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên (Mẫu số 03);

4. Tờ trình đề nghị miễn nhiệm Hòa giải viên (Mẫu số 04);

5. Quyết định miễn nhiệm Hòa giải viên (Mẫu số 05);

6. Tờ trình đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên (Mẫu số 06);

7. Quyết định buộc thôi làm Hòa giải viên (Mẫu số 07)

8. Thẻ Hòa giải viên (Mẫu số 08);

9. Tờ khai đề nghị cấp thẻ Hòa giải viên (Mẫu số 09);

10. Tờ khai đề nghị cấp đổi, cấp lại Hòa giải viên (Mẫu số 10);

11. Đơn đề nghị bổ nhiệm (Mẫu số 11);

12. Đơn đề nghị bổ nhiệm lại (Mẫu số 12);

13. Sơ lược lý lịch (Mẫu số 13);

14. Biên bản họp Hội đồng tư vấn (Mẫu số 14);

15. Nghị quyết lựa chọn, bổ nhiệm/bổ nhiệm lại/miễn nhiệm hoặc xử lý vi phạm Hòa giải viên (Mẫu số 15);

16. Danh sách trích ngang đề nghị bổ nhiệm/bổ nhiệm lại/miễn nhiệm Hòa giải viên (Mẫu số 16a, Mẫu số 16b, Mẫu số 16c);

17. Báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của Hòa giải viên (Mẫu số 17);

18. Đánh giá nhận xét của Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc về quá trình thực hiện nhiệm vụ (Mẫu số 18).

Chương II
QUY TRÌNH BỔ NHIỆM, BỔ NHIỆM LẠI VÀ MIỄN NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN

Mục 1
BỔ NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN

Điều 6. Quy trình bổ nhiệm

1. Thông báo nhu cầu tuyển chọn Hòa giải viên

Căn cứ nhu cầu và định biên số lượng Hòa giải viên đã được phê duyệt, Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh thông báo tuyển chọn Hòa giải viên và đăng tải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, niêm yết tại trụ sở của Tòa án nhân dân nơi có nhu cầu trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo, niêm yết.

2. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên

a) Người có đủ điều kiện theo thông báo nhu cầu tuyển chọn Hòa giải viên nộp hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên tại Tòa án nơi họ có nguyện vọng làm Hòa giải viên.

b) Tòa án nhân dân nơi nhận hồ sơ tiến hành kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ đã đầy đủ các giấy tờ theo quy định.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ, Tòa án nơi nhận hồ sơ phải tiến hành phân loại hồ sơ. Đối với các trường hợp bắt buộc phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại thì lập danh sách cử đi bồi dưỡng gửi đến Tòa án nhân dân cấp tỉnh để tổng hợp báo cáo Tòa án nhân dân tối cao.

d) Vụ Tổ chức - Cán bộ Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp danh sách do Tòa án nhân dân cấp tỉnh gửi đến và làm văn bản chuyển Học viện Tòa án để tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ theo quy định.

đ) Sau khi các trường hợp được cử đi bồi dưỡng đã được cấp chứng chỉ, Tòa án nơi nhận hồ sơ lựa chọn người có đủ điều kiện và có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, bổ nhiệm (qua đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh).

3. Tư vấn lựa chọn Hòa giải viên

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên, đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng tư vấn để xem xét, lựa chọn Hòa giải viên.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh có văn bản, Hội đồng tư vấn tổ chức họp xem xét, thống nhất và ra nghị quyết lựa chọn người có đủ điều kiện làm Hòa giải viên

4. Ra quyết định bổ nhiệm Hòa giải viên

a) Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng tư vấn, đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh trình Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm Hòa giải viên.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm Hòa giải viên. Trường hợp từ chối bổ nhiệm, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Thông báo công khai danh sách Hòa giải viên

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định bổ nhiệm, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh công bố danh sách Hòa giải viên trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và niêm yết tại trụ sở Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc; đồng thời, gửi Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để quản lý và công bố trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao theo quy định.

Điều 7. Thủ tục, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm

1. Thủ tục đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên gồm các tài liệu sau:

a) Tờ trình đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên (theo Mẫu số 01);

b) Danh sách Hòa giải viên đề nghị bổ nhiệm (theo Mẫu số 16a);

c) Biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng tư vấn (theo Mẫu số 14 và Mẫu số 15);

d) Hồ sơ cá nhân của người được đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên (quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Hồ sơ cá nhân:

a) Đơn đề nghị bổ nhiệm (theo Mẫu số 11);

b) Sơ lược lý lịch (theo Mẫu số 13);

c) Phiếu lý lịch tư pháp (được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị bổ nhiệm);

d) Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp, còn giá trị trong 06 tháng);

đ) Giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án gồm một trong các giấy tờ sau đây:

đ1) Quyết định bổ nhiệm hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên Tòa án, Thư ký Tòa án, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên Viện kiểm sát, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thanh tra viên;

đ2) Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc đã hoặc đang là luật sư, chuyên gia, nhà chuyên môn khác có ít nhất 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công tác;

đ3) Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn về việc có hiểu biết về phong tục tập quán, có uy tín trong cộng đồng dân cư.

e) Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại do cơ sở đào tạo của Tòa án nhân dân tối cao cấp, trừ người đã là Thẩm phán, Thẩm tra viên chính, Thẩm tra viên cao cấp, Thư ký viên chính, Thư ký viên cao cấp, Kiểm sát viên, Chấp hành viên thi hành án dân sự, Thanh tra viên.

Mục 2
BỔ NHIỆM LẠI HÒA GIẢI VIÊN

Điều 8. Quy trình bổ nhiệm lại

1. Chậm nhất 02 tháng trước ngày hết nhiệm kỳ, Hòa giải viên có nguyện vọng tiếp tục làm Hòa giải viên, nộp hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại tại Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc.

2. Căn cứ nhu cầu thực tế, trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hòa giải viên, Tòa án nơi có Hòa giải viên làm việc có văn bản đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét bổ nhiệm lại theo quy định.

3. Quy trình bổ nhiệm lại Hòa giải viên được thực hiện như quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 6 Thông tư này.

4. Quyết định bổ nhiệm lại Hòa giải viên phải được ban hành trước ít nhất 01 ngày làm việc, tính đến ngày hết nhiệm kỳ làm Hòa giải viên. Trường hợp không đáp ứng điều kiện để bổ nhiệm lại, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 9. Thủ tục, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại

1. Thủ tục đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên gồm các tài liệu sau:

a) Tờ trình đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên (theo Mẫu số 02);

b) Danh sách Hòa giải viên đề nghị bổ nhiệm lại (theo Mẫu số 16b);

c) Biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng tư vấn (theo Mẫu số 14 và Mẫu số 15);

d) Đánh giá nhận xét của Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc về quá trình thực hiện nhiệm vụ (theo Mẫu số 18);

đ) Hồ sơ cá nhân của người được đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên (quy định tại khoản 2 Điều này).

2. Hồ sơ cá nhân:

a) Đơn đề nghị bổ nhiệm lại (theo Mẫu số 12);

b) Giấy chứng nhận sức khỏe (do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp, còn giá trị trong 6 tháng);

c) Báo cáo về kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của Hòa giải viên (theo Mẫu số 17).

Mục 3
MIỄN NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN

Điều 10. Quy trình miễn nhiệm

1. Khi có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng tư vấn xem xét việc miễn nhiệm Hòa giải viên.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh có văn bản, Hội đồng tư vấn tổ chức họp xem xét và ra nghị quyết về việc miễn nhiệm Hòa giải viên.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh trình, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem

xét, quyết định miễn nhiệm Hòa giải viên; xóa tên Hòa giải viên khỏi danh sách, thu hồi thẻ Hòa giải viên, thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và niêm yết tại trụ sở Tòa án nơi họ làm việc; đồng thời, gửi Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để báo cáo và công bố trên Cổng thông tin điện tử theo quy định.

Điều 11. Thủ tục đề nghị miễn nhiệm

1. Tờ trình đề nghị miễn nhiệm Hòa giải viên (theo Mẫu số 04).

2. Danh sách Hòa giải viên đề nghị miễn nhiệm (theo Mẫu số 16c).

3. Biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng tư vấn (theo Mẫu số 14 và Mẫu số 15).

4. Văn bản đề nghị miễn nhiệm Hòa giải viên của Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc (nếu có).

5. Các tài liệu chứng minh (đối với các trường hợp thuộc điểm b khoản 1 Điều 13 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án).

Chương III
CẤP, ĐỔI VÀ THU HỒI THẺ HÒA GIẢI VIÊN

Điều 12. Thẻ Hòa giải viên

1. Thẻ Hòa giải viên được cấp cho người được bổ nhiệm làm Hòa giải viên tại các Tòa án nhân dân, để sử dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hòa giải, đối thoại tại Tòa án; không được sử dụng vào việc khác không thuộc nhiệm vụ Hòa giải viên.

2. Mẫu Thẻ Hòa giải viên do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định, cụ thể như sau:

a) Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm;

b) Mặt trước: Nền xanh, trên cùng là dòng chữ "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" phông chữ VnArialH đậm, màu đỏ, in hoa, cỡ chữ 10;

ở giữa là logo Tòa án có đường kính 20 mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ "THẺ HÒA GIẢI VIÊN" phông chữ VnArialH, màu đỏ, in hoa, cỡ chữ 13

c) Mặt sau: Nền trắng có hoa văn chìm, màu vàng; ở giữa có hình trống đồng in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 9.8 mm; góc dưới bên trái có ảnh của Hòa giải viên (cỡ 20 x 30 mm); có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nhiệm kỳ, nơi làm việc, ngày cấp Thẻ Hòa giải viên.

d) Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 13. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục cấp Thẻ Hòa giải viên

1. Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh cấp Thẻ Hòa giải viên cho người được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Trình tự, thủ tục cấp Thẻ Hòa giải viên

a) Người được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên làm Tờ khai đề nghị cấp Thẻ Hòa giải viên (theo Mẫu số 09, kèm theo 02 ảnh 20 x 30 mm) gửi Tòa án nơi mình làm việc.

b) Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc tiếp nhận tờ khai, kiểm tra đối chiếu thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi Tòa án nhân dân cấp tỉnh (qua đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh).

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai đề nghị cấp thẻ, đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc cấp Thẻ Hòa giải viên theo quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Cấp đổi, cấp lại và thu hồi Thẻ Hòa giải viên

1. Các trường hợp cấp đổi, cấp lại Thẻ Hòa giải viên

a) Khi thay đổi thông tin cá nhân trong Thẻ Hòa giải viên: Trường hợp có sự thay đổi về thông tin, ngày tháng năm sinh..., Hòa giải viên báo cáo Chánh án Tòa án nơi mình làm việc, cung cấp các giấy tờ, tài liệu hợp pháp chứng minh có sự thay đổi.

b) Các thông tin trong Thẻ Hòa giải viên đã cấp bị sai sót: Hòa giải viên báo cáo Chánh án Tòa án nơi mình làm việc để cấp đổi Thẻ Hòa giải viên.

c) Thẻ Hòa giải viên bị mất, bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng:

c1) Trường hợp bị mất: Hòa giải viên phải báo cáo ngay với Chánh án Tòa án nơi mình làm việc và nói rõ lý do, hoàn cảnh bị mất Thẻ, cung cấp các tài liệu kèm theo (nếu có);

c2) Trường hợp Thẻ Hòa giải viên bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng: Hòa giải viên phải báo cáo ngay với Chánh án Tòa án nơi mình làm việc để đề nghị cấp đổi Thẻ Hòa giải viên.

2. Thủ tục đề nghị cấp đổi, cấp lại Thẻ Hòa giải viên

a) Chánh án Tòa án có văn bản báo cáo rõ lý do đề nghị cấp đổi, cấp lại Thẻ Hòa giải viên theo quy định.

b) Tờ khai đề nghị cấp đổi, cấp lại Thẻ Hòa giải viên (theo Mẫu số 10).

c) Nộp lại Thẻ Hòa giải viên cũ để hủy theo quy định.

3. Các trường hợp thu hồi Thẻ Hòa giải viên

a) Hòa giải viên được bổ nhiệm lại, phải nộp lại Thẻ cũ để cấp thẻ mới.

b) Hòa giải viên đã được miễn nhiệm, thôi làm Hòa giải viên.

c) Hòa giải viên bị buộc thôi làm Hòa giải viên.

Chương IV
KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 15. Khen thưởng đối với Hòa giải viên

Hòa giải viên có thành tích xuất sắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được xem xét, khen thưởng bằng các hình thức sau:

1. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tòa án";

2. Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

3. Giấy khen của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh.

Điều 16. Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tòa án"

Hòa giải viên có thời gian làm nhiệm vụ hòa giải, đối thoại tại Tòa án từ đủ 06 năm trở lên được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tặng thưởng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tòa án".

Điều 17. Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Hòa giải viên được xem xét, tặng Bằng khen của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong các trường hợp sau:

1. Có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc công việc hòa giải, đối thoại được Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh tặng thưởng Giấy khen.

2. Có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, được Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đề nghị.

Điều 18. Giấy khen của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh

Hòa giải viên được tặng Giấy khen của Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong các trường hợp sau:

1. Có số lượng các vụ, việc "hòa giải, đối thoại thành" theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án đạt từ 70% trở lên trong tổng số các vụ, việc được giao;

2. Có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, được Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện đề nghị.

Điều 19. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng khen thưởng

Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng khen thưởng các danh hiệu đối với Hòa giải viên thực hiện theo quy định của Luật thi đua khen thưởng, các văn bản quy định về công tác thi đua khen thưởng của Tòa án nhân dân và Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tòa án".

Điều 20. Xử lý vi phạm

1. Hòa giải viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ của mình; nếu có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ sai

phạm và hậu quả mà bị buộc thôi làm Hòa giải viên theo quy định của pháp luật và quy định của Tòa án nhân dân. Hòa giải viên bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì đương nhiên bị buộc thôi làm Hòa giải viên.

2. Hòa giải viên bị buộc thôi làm Hòa giải viên khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm pháp luật có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

b) Vi phạm về phẩm chất, đạo đức, không còn uy tín để thực hiện nhiệm vụ.

3. Quy trình buộc thôi làm Hòa giải viên

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng tư vấn xem xét việc buộc thôi làm Hòa giải viên.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh có văn bản, Hội đồng tư vấn tổ chức họp xem xét và ra nghị quyết buộc thôi làm Hòa giải viên.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh trình, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định buộc thôi làm Hòa giải viên.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh quyết định buộc thôi làm Hòa giải viên, đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh gửi quyết định đến Hòa giải viên và Tòa án nơi họ làm việc, thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và niêm yết tại trụ sở Tòa án nơi họ làm việc; xóa tên trong danh sách Hòa giải viên theo quy định. Đồng thời, gửi Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để báo cáo và công bố trên Cổng thông tin điện tử theo quy định.

4. Thủ tục đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên

a) Tờ trình đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên (theo Mẫu số 06).

b) Biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng tư vấn (theo Mẫu số 14 và Mẫu số 15).

c) Văn bản đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên của Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc (nếu có).

d) Các tài liệu chứng minh (thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này).

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Các Tòa án nhân dân, cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc đề xuất, kiến nghị thì phản ánh cho Tòa án nhân dân tối cao (qua Vụ Tổ chức - Cán bộ) để có hướng dẫn kịp thời. Việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định./.

CHÁNH ÁN

Nguyễn Hòa Bình

PHỤ LỤC

(Các văn bản, biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 04/TT-TANDTC ngày 16/11/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên)

Mẫu số 01: *Tờ trình đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-TCCB	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân.....[1]

Thi hành Luật Hòa giải đối thoại, tại Tòa án; căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên; căn cứ Nghị quyết số..... của Hội đồng tư vấn lựa chọn Hòa giải viên;.....[2] trình Chánh án Tòa án nhân dân.....[1] về việc bổ nhiệm Hòa giải viên, cụ thể như sau:

1. Ông (Bà)....., sinh năm....., hiện là.....

a) Tóm tắt quá trình hoạt động của người được đề nghị

b) Ý kiến của Hội đồng tư vấn

c) Đề xuất của đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh: bổ nhiệm hay không bổ nhiệm Hòa giải viên (trường hợp không bổ nhiệm phải nêu rõ lý do)

2. Ông (Bà)....., (nêu như trên).

Kính trình Chánh án Tòa án nhân dân.....[1] xem xét, quyết định./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ
THAM MƯU VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như kính gửi:
- Lưu: VT, TCCB.

Ghi chú:

(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.

(2) Đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mẫu số 02: *Tờ trình đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-TCCB	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh.....[1]

Thi hành Luật Hòa giải đối thoại, tại Tòa án; căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên; căn cứ Nghị quyết số..... của Hội đồng tư vấn lựa chọn Hòa giải viên;.....[2] trình Chánh án Tòa án nhân dân.....[1] về việc bổ nhiệm lại Hòa giải viên, cụ thể như sau:

1. Ông (Bà)....., sinh năm....., được bổ nhiệm Hòa giải viên từ ngày.....(tại Quyết định số...../QĐ-TAND ngày..... của Chánh án Tòa án nhân dân.....[1]); hết nhiệm kỳ từ ngày.....

Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ Hòa giải viên ông (bà)....., cụ thể như sau:

a) Về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn: Tổng số vụ, việc được giao giải quyết; tổng số các vụ, việc được công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành.

b) Về chấp hành pháp luật của Nhà nước; nguyên tắc, bảo mật thông tin hòa giải, đối thoại tại Tòa án; thực hiện các nghĩa vụ của Hòa giải viên

c) Ý kiến của Hội đồng tư vấn

d) Đề xuất của đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh: bổ nhiệm lại hay không bổ nhiệm lại Hòa giải viên (trường hợp không bổ nhiệm lại phải nêu rõ lý do)

2. Ông (Bà)....., (nêu như trên).

Kính trình Chánh án Tòa án nhân dân.....[1] xem xét, quyết định./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ
THAM MƯU VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như kính gửi:
- Lưu: VT, TCCB.

Ghi chú:
(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.
(2) Đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mẫu số 03: *Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN...[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCCB	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm (bổ nhiệm lại) Hòa giải viên

CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN..... [1]

Căn cứ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên;

Căn cứ Nghị quyết số..... ngày..... của Hội đồng tư vấn lựa chọn Hòa giải viên;

Xét đề nghị của.....[2],

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Bổ nhiệm (bổ nhiệm lại) ông Nguyễn Văn A, sinh năm....., làm Hòa giải viên Tòa án nhân dân..... Nhiệm kỳ Hòa giải viên của ông Nguyễn Văn A là 03 năm kể từ ngày...../...../.....

Điều 2. Trong thời gian làm Hòa giải viên, ông Nguyễn Văn A được hưởng thù lao theo quy định của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng,....[2],.....[3] và ông Nguyễn Văn A thi hành Quyết định này./.

CHÁNH ÁN

.....

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

Ghi chú:
(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.
(2) Trưởng đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh
(3) Chánh án Tòa án nơi người được bổ nhiệm hòa giải viên làm việc.

Mẫu số 04: *Tờ trình đề nghị miễn nhiệm Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TTr-TCCB	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị miễn nhiệm Hòa giải viên

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân....(1)

Thi hành Luật Hòa giải đối thoại, tại Tòa án; căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên; căn cứ Nghị quyết số..... của Hội đồng tư vấn về việc miễn nhiệm Hòa giải viên;.....(2) trình Chánh án Tòa án nhân dân.....(1) miễn nhiệm Hòa giải viên, cụ thể như sau:

1. Ông (bà).... , sinh năm....., được bổ nhiệm làm Hòa giải viên Tòa án nhân dân.... (tại Quyết định.....)

a) Về lý do miễn nhiệm:...

b) Ý kiến của Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc

c) Ý kiến của Hội đồng tư vấn

2..... (nêu như trên).

Kính trình đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân...(1) xem xét, quyết định./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ
THAM MƯU VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như kính gửi:
- Lưu: VT, TCCB.

Ghi chú:

(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.

(2) Trưởng đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mẫu số 05: *Quyết định miễn nhiệm hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN...[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCCB	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn nhiệm Hòa giải viên

CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN..... [1]

Căn cứ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên;

Căn cứ Nghị quyết số..... ngày..... của Hội đồng tư vấn về việc miễn nhiệm Hòa giải viên;

Xét đề nghị của.....[2],

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Miễn nhiệm Hòa giải viên đối với ông Nguyễn Văn A, sinh năm....., kể từ ngày...../...../.....

Điều 2. Chánh án Tòa án nhân dân....[3] thanh toán các khoản thù lao đối với ông Nguyễn Văn A theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng,....[2],.....[3] và ông Nguyễn Văn A thi hành Quyết định này./.

CHÁNH ÁN

.....

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

Ghi chú:

(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.

(2) Trưởng đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh

(3) Chánh án Tòa án nơi hòa giải viên làm việc.

Mẫu số 06: *Tờ trình đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TTr-TCCB	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân....[1]

Thi hành Luật Hòa giải đối thoại, tại Tòa án; căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên; căn cứ Nghị quyết số..... của Hội đồng tư vấn về việc buộc thôi làm Hòa giải viên;.....[2] trình Chánh án Tòa án nhân dân.....[1] buộc thôi làm Hòa giải viên, cụ thể như sau:

1. Ông (bà)...., sinh năm....., được bổ nhiệm làm Hòa giải viên Tòa án nhân dân.... (tại Quyết định.....)

a) Về lý do buộc thôi làm Hòa giải viên:

b) Ý kiến của Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc:

c) Ý kiến của Hội đồng tư vấn:

2..... (nêu như trên).

Kính trình đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân...[1] xem xét, quyết định./.

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU ĐƠN VỊ
THAM MƯU VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như kính gửi:
- Lưu: VT, TCCB.

Ghi chú:

(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.

(2) Trưởng đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

Mẫu số 07: *Quyết định buộc thôi làm Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN...[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-TCCB	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc buộc thôi làm Hòa giải viên

CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN..... [1]

Căn cứ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên;

Căn cứ Nghị quyết số..... ngày..... của Hội đồng tư vấn về việc miễn nhiệm Hòa giải viên;

Xét đề nghị của.....[2],

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Buộc thôi làm Hòa giải viên đối với ông Nguyễn Văn A, sinh năm....., kể từ ngày...../...../....., do đã có hành vi vi phạm.....[3]

Điều 2. Chánh án Tòa án nhân dân....[4] thanh toán các khoản thù lao đối với ông Nguyễn Văn A theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng,....[2],.....[4] và ông Nguyễn Văn A thi hành Quyết định này./.

CHÁNH ÁN

.....

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.

Ghi chú:

(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.

(2) Trưởng đơn vị tham mưu về tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân cấp tỉnh

(3) Nêu hành vi vi phạm theo quy định.

(4) Chánh án Tòa án nơi hòa giải viên làm việc.

Mẫu số 08: *Mẫu thẻ Hòa giải viên*

Mẫu Thẻ Hòa giải viên

1. Kích thước: Chiều dài 95 mm, chiều rộng 62 mm.

2. Mặt trước: nền xanh, trên cùng là dòng chữ "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" phông chữ VnArialH đậm, màu đỏ, in hoa, cỡ chữ 10; ở giữa là logo Tòa án đường kính 20mm; phía dưới logo Tòa án là dòng chữ "THẺ HÒA GIẢI VIÊN" phông chữ VnArialH, màu đỏ, in hoa, cỡ chữ 13 (hình 1).

3. Mặt sau: nền trắng có hoa văn chìm, màu vàng; ở giữa có hình trống đồng in chìm; góc trên bên trái có logo Tòa án, đường kính 9.8 mm; góc dưới bên trái có ảnh của Hòa giải viên cỡ 20 x 30 mm; có thông tin về họ và tên, ngày, tháng, năm sinh, nhiệm kỳ, nơi làm việc của Hòa giải viên, ngày cấp Thẻ Hòa giải viên. Ảnh được đóng dấu chìm của cơ quan có thẩm quyền cấp (hình 2).

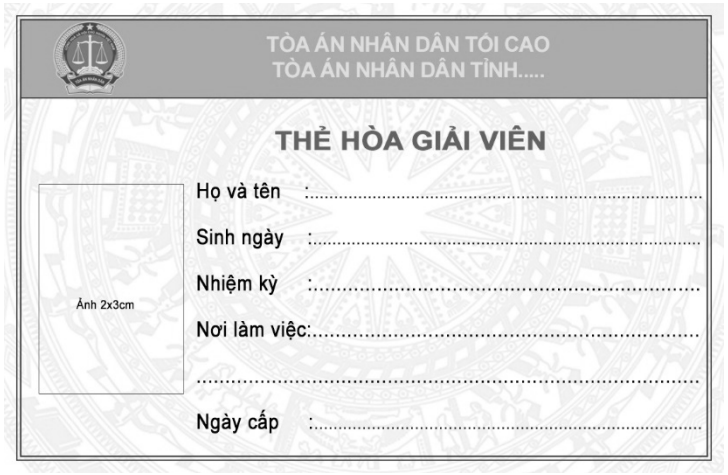

Mẫu số 09: *Tờ khai đề nghị cấp thẻ Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ HÒA GIẢI VIÊN

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân.....[2]

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Tòa án nơi làm việc:.....

Được bổ nhiệm/bổ nhiệm lại làm Hòa giải viên tại Quyết định số /QĐ-TCCB ngày..... của Chánh án Tòa án nhân dân.....[2].

Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân.....[2] cấp thẻ Hòa giải viên.

XÁC NHẬN CỦA **TÒA ÁN NHÂN DÂN**.....[1]	*....., ngày..... tháng..... năm 20...* **Người khai**

Ghi chú:
(1) Tòa án nhân dân nơi có Hòa giải viên làm việc.
(2) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.

Mẫu số 10: *Tờ khai đề nghị cấp đổi, cấp lại Thẻ Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI THẺ HÒA GIẢI VIÊN

Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân.....(2)

Họ và tên:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Tòa án nơi làm việc:.....

Được bổ nhiệm/bổ nhiệm lại làm Hòa giải viên tại Quyết định số /QĐ-TCCB ngày..... của Chánh án Tòa án nhân dân.....(2).

Lý do cấp đổi, cấp lại thẻ Hòa giải viên:.....

Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân.....(2) cấp đổi (cấp lại) thẻ Hòa giải viên.

XÁC NHẬN CỦA **TÒA ÁN NHÂN DÂN**.....(1)	*....., ngày..... tháng..... năm 20...* **Người khai**

Ghi chú:

(1) Tòa án nhân dân nơi có Hòa giải viên làm việc.

(2) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.

Mẫu số 11: *Đơn đề nghị bổ nhiệm làm Hòa giải viên*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------*----------**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN

Tên tôi là: ..... Sinh ngày: .....

Quê quán: .....

Hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: ..... Điện thoại liên lạc: .....

Dân tộc: .....

Trình độ và chuyên ngành đào tạo: .....

Nghề nghiệp hiện nay: .....

Sau khi nghiên cứu quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, tôi thấy bản thân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để làm Hòa giải viên. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân bổ nhiệm tôi làm Hòa giải viên của Tòa án nhân dân.....

Tôi xin cam đoan chấp hành pháp luật, các nguyên tắc, bảo mật thông tin trong thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Tòa án nhân dân về mọi hành vi vi phạm của mình.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 12: *Đơn đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------*----------**

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM LẠI HÒA GIẢI VIÊN

Tên tôi là: ..... Sinh ngày: .....

Quê quán: .....

Hộ khẩu thường trú: .....

Chỗ ở hiện nay: ..... Điện thoại liên lạc: .....

Dân tộc: .....

Trình độ và chuyên ngành đào tạo: .....

Đã là Hòa giải viên nhiệm kỳ: .....

Căn cứ quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, tôi thấy bản thân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tiếp tục làm Hòa giải viên. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân bổ nhiệm lại tôi làm Hòa giải viên Tòa án nhân dân.....

Tôi xin cam đoan chấp hành pháp luật, các nguyên tắc, bảo mật thông tin trong thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật, Tòa án nhân dân về mọi hành vi vi phạm của mình.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 13: *Sơ lược lý lịch*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 4 x 6

SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

I. BẢN THÂN

1. Họ và tên (chữ in hoa)..... 2. Nam (Nữ): .....
3. Sinh ngày..... tháng..... năm.....
4. Nơi sinh .....
5. Quê quán: .....
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: .....
.....
7. Chỗ ở hiện nay: .....
.....
8. Dân tộc:..... 9. Tôn giáo:.....
10. Số CMND (CCCD):..... cấp ngày..../..../..... nơi cấp .....
11. Trình độ:
- Giáo dục phổ thông:.....
- Giáo dục nghề nghiệp: .....
- Giáo dục đại học và sau đại học: .....
- Ngoại ngữ (tiếng dân tộc): .....
- Lý luận chính trị:.....
12. Sở trường:.....
13. Ngày vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:.....
14. Ngày vào Đảng:...../...../..... Ngày chính thức...../...../ .....
15. Nghề nghiệp trước đây:.....
16. Nghề nghiệp hiện nay:.....
17. Khen thưởng.....
18. Kỷ luật: .....

II. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Từ tháng năm đến tháng năm	Tên trường hoặc cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	Ngành học	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ

III. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CỦA BẢN THÂN

Từ tháng năm đến tháng năm	Làm việc gì, ở đâu

Tôi xin cam đoan bản khai sơ lược lý lịch trên đúng sự thật, nếu có điều gì không đúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của địa phương nơi đăng ký hộ khẩu

Người khai
(Ký, ghi rõ tên)

Mẫu số 14: *Biên bản cuộc họp Hội đồng tư vấn lựa chọn Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1] **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN
Họp Hội đồng tư vấn lựa chọn Hòa giải viên

Vào hồi..... giờ.....phút, ngày..... tại trụ sở Tòa án nhân dân.....[1] , Hội đồng tư vấn, lựa chọn Hòa giải viên tiến hành họp xem xét, lựa chọn để đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân.....[1] bổ nhiệm (bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, buộc thôi)[2] làm Hòa giải viên. Thành phần tham dự phiên họp gồm có:

1. Chủ tọa phiên họp:

Ông (Bà)..... Chủ tịch Hội đồng.

2. Các Ủy viên:

Các Ủy viên Hội đồng tham dự phiên họp gồm:

- Ông (Bà).....;
- Ông (Bà).....;
- Ông (Bà).....;

3. **Thư ký phiên họp:** Ông (Bà).....

NỘI DUNG PHIÊN HỌP

Ông (Bà)....., Chủ tịch Hội đồng tư vấn, lựa chọn Hòa giải viên khai mạc và chủ trì phiên họp.

Ông (Bà)....., Trưởng đơn vị tham mưu về công tác tổ chức cán bộ Tòa án nhân dân.....[1] trình bày tờ trình về việc đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, buộc thôi làm Hòa giải viên; các trường hợp không bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên.

Căn cứ vào tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại làm Hòa giải viên Hội đồng tư vấn, lựa chọn Hòa giải viên đã thảo luận và tiến hành bỏ phiếu kín đối với từng người theo quy định. Kết quả cụ thể như sau:

I. BỔ NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN

1. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên.

2. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên.

3. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên.

(có danh sách - Phụ lục kèm theo).

II. KHÔNG ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN

1. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên.

2. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên.

3. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên.

(có danh sách - Phụ lục kèm theo).

III. BỔ NHIỆM LẠI HÒA GIẢI VIÊN

1. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên.

2. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên.

3. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên.

(có danh sách - Phụ lục kèm theo).

III. KHÔNG ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM LẠI HÒA GIẢI VIÊN

1. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên.

2. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên.

3. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên.

(có danh sách - Phụ lục kèm theo).

IV. ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN

1. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị miễn nhiệm Hòa giải viên.

2. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị miễn nhiệm Hòa giải viên.

3. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị miễn nhiệm Hòa giải viên.

(có danh sách - Phụ lục kèm theo).

V. ĐỀ NGHỊ BUỘC THÔI LÀM HÒA GIẢI VIÊN

1. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên.

2. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên.

3. Ông (Bà)....., được...../..... Phiếu đồng ý đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên.

(có danh sách - Phụ lục kèm theo).

Biên bản được lập tại phiên họp và được các thành viên Hội đồng tư vấn, lựa chọn Hòa giải viên có mặt tại phiên họp nhất trí thông qua vào hồi..... giờ..... phút cùng ngày./.

THƯ KÝ	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Ghi chú:

(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.

(2) Tùy nội dung phiên họp (bổ nhiệm/bổ nhiệm lại/miễn nhiệm/buộc thôi làm Hòa giải viên) thì phần nội dung chỉ có nội dung tương ứng.

Mẫu số 15: *Nghị quyết của Hội đồng tư vấn lựa chọn Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1] **HỘI ĐỒNG TƯ VẤN LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐTV	*....., ngày.... tháng..... năm.....*

NGHỊ QUYẾT

Về việc bổ nhiệm (bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, buộc thôi) làm Hòa giải viên

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, LỰA CHỌN HÒA GIẢI VIÊN

Căn cứ Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 04/2020/TT-TANDTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm; khen thưởng, xử lý vi phạm; cấp và thu hồi thẻ Hòa giải viên;

Căn cứ Biên bản họp ngày..... tháng..... năm..... của Hội đồng tư vấn, lựa chọn Hòa giải viên,

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Hội đồng tư vấn, lựa chọn Hòa giải viên thống nhất lựa chọn và đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên đối với:

1. Bổ nhiệm

(1) Ông (Bà)....., sinh năm....., làm Hòa giải viên TAND.....;

(2) Ông (Bà)....., sinh năm....., làm Hòa giải viên TAND.....;

(3) Ông (Bà)....., sinh năm....., làm Hòa giải viên TAND.....

2. Bổ nhiệm lại

(1) Ông (Bà)....., sinh năm....., Hòa giải viên TAND.....;

(2) Ông (Bà)....., sinh năm....., Hòa giải viên TAND.....;

(3) Ông (Bà)....., sinh năm....., Hòa giải viên TAND.....

Điều 2. Hội đồng tư vấn, lựa chọn Hòa giải viên thống nhất đề nghị miễn nhiệm Hòa giải viên đối với:

(1) Ông (Bà)....., sinh năm....., Hòa giải viên TAND.....;

(2) Ông (Bà)....., sinh năm....., Hòa giải viên TAND.....;

(3) Ông (Bà)....., sinh năm....., Hòa giải viên TAND.....

Điều 3. Hội đồng tư vấn, lựa chọn Hòa giải viên thống nhất đề nghị buộc thôi làm Hòa giải viên đối với:

(1) Ông (Bà)....., sinh năm....., Hòa giải viên TAND.....;

(2) Ông (Bà)....., sinh năm....., Hòa giải viên TAND.....;

(3) Ông (Bà)....., sinh năm....., Hòa giải viên TAND.....

Điều 4. Hội đồng tư vấn, lựa chọn Hòa giải viên thống nhất không đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên đối với các trường hợp sau:

1. Không đề nghị bổ nhiệm lại.....Hòa giải viên, do.....

2. Không đề nghị bổ nhiệm lại.....Hòa giải viên, do.....

3. Không đề nghị bổ nhiệm.....trường hợp, do.....

(Có danh sách - Phụ lục kèm theo).

Điều 5. Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân.....(1) xem xét, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Hòa giải viên đối với các ông, bà có tên trong danh sách tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 6. Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân.....(1) xem xét, quyết định miễn nhiệm (buộc thôi làm) Hòa giải viên đối với các trường hợp có tên tại Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết này./.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Chánh án TAND tỉnh.....;
- Các Ủy viên HĐTV;
- Lưu: TCCB.

Ghi chú:
(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.
(2) Tùy nội dung phiên họp (bổ nhiệm/bổ nhiệm lại/miễn nhiệm/buộc thôi làm Hòa giải viên) thì phần nghị quyết chỉ có nội dung (các điều) tương ứng.

Mẫu số 16: *Danh sách trích ngang đề nghị bổ nhiệm/bổ nhiệm lại/miễn nhiệm Hòa giải viên*

Mẫu số 16a

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN

STT	Họ và tên	Năm sinh		Nghề nghiệp hiện nay	Nơi ở hiện nay	Tóm tắt quá trình của bản thân	Đề nghị bổ nhiệm Hòa giải viên(2)	Ghi chú
		Nam	Nữ					

TRƯỞNG ĐƠN VỊ THAM MƯU
VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố
(2) Tòa án nhân dân được dự kiến bổ nhiệm.

Mẫu số 16b

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM LẠI HÒA GIẢI VIÊN

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số, ngày, tháng, năm của QĐ bổ nhiệm HGV	Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc	Tổng số vụ, việc giải quyết trong nhiệm kỳ	Tổng số vụ, việc hòa giải thành, đối thoại thành	Đề nghị bổ nhiệm lại Hòa giải viên[2]
		Nam	Nữ					

TRƯỞNG ĐƠN VỊ THAM MƯU
VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố
(2) Tòa án nhân dân được dự kiến bổ nhiệm.

Mẫu số 16c

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM HÒA GIẢI VIÊN

STT	Họ và tên	Năm sinh		Số, ngày, tháng, năm của QĐ bổ nhiệm HGV	Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc	Lý do miễn nhiệm	Ghi chú
		Nam	Nữ				

TRƯỞNG ĐƠN VỊ THAM MƯU
VỀ TỔ CHỨC CÁN BỘ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(1) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố

Mẫu số 17: *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của Hòa giải viên*

TÒA ÁN NHÂN DÂN .....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
	....., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của Hòa giải viên

Họ và tên:

Hiện là Hòa giải viên của Tòa án nhân dân.....[1] (tại Quyết định số..... ngày... tháng... năm.....), đến ngày..... hết nhiệm kỳ Hòa giải viên.

Tôi xin báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ Hòa giải viên về các mặt sau đây:

I. Chấp hành pháp luật, phẩm chất đạo đức, lề lối làm việc

1. Chấp hành pháp luật của Nhà nước

2. Thực hiện các nguyên tắc, bảo mật thông tin hòa giải, đối thoại tại Tòa án

3. Thực hiện các nghĩa vụ của Hòa giải viên

II. Công tác chuyên môn

1. Tổng số vụ, việc được giao giải quyết

2. Tổng số các vụ, việc được công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành

3. Đánh giá kết quả, chất lượng thực hiện nhiệm vụ (đánh giá về số lượng, chất lượng, thời gian hoàn thành công việc, tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao; đề xuất, kiến nghị liên quan đến thực hiện nhiệm vụ hòa giải, đối thoại)

Hòa giải viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (1) Tòa án nhân dân nơi Hòa giải viên làm việc.

Mẫu số 18: *Nhận xét, đánh giá của Tòa án nơi Hòa giải viên làm việc về quá trình thực hiện nhiệm vụ*

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *....., ngày... tháng... năm...*

NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Về kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ của Hòa giải viên

Tòa án nhân dân.....[1] nhận xét, đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ hòa giải, đối thoại tại Tòa án đối với Hòa giải viên....., được bổ nhiệm làm Hòa giải viên Tòa án nhân dân.....[1] tại Quyết định số..... của Chánh án Tòa án nhân dân.....[2] , đến ngày..... hết nhiệm kỳ Hòa giải viên; cụ thể như sau:

1. Về chấp hành pháp luật của Nhà nước

2. Về thực hiện các nguyên tắc, bảo mật thông tin hòa giải, đối thoại tại Tòa án; về thực hiện các nghĩa vụ của Hòa giải viên

3. Về thực hiện nhiệm vụ được giao

- Tổng số vụ, việc được giao giải quyết

- Tổng số vụ, việc được công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành

- Chất lượng thực hiện công việc, tinh thần trách nhiệm

Căn cứ quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; kết quả thực hiện nhiệm vụ trong nhiệm kỳ Hòa giải viên và nhu cầu công tác, đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân.....[2] xem xét, quyết định bổ nhiệm lại/không bổ nhiệm lại ông (bà)..... làm Hòa giải viên Tòa án nhân dân.....[1]./.

CHÁNH ÁN
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tòa án nhân dân nơi Hòa giải viên làm việc.
(2) Tòa án nhân dân tỉnh/thành phố.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng